

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15 – AN GIANG
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2026/DS-ST**
Ngày: 12/02/2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – AN GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phong Phi

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Danh và ông Phạm Hồng Thuận

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Phan Hoàng Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – An Giang, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2025/TLST - DS, ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2026/QĐST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín. Địa chỉ: 206-208 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm - Tổng Giám Đốc. Người nhận ủy quyền: Ông Kha Đức Thảo. Ông Thảo ủy quyền cho ông Phạm Minh Thành, sinh năm: 1982, chức vụ: Phó phòng giao dịch Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín- chi nhánh An Giang, phòng giao dịch Tân Châu.

Bị đơn: Ông Lương Minh Nh, sinh năm 1982; Địa chỉ: Khóm Long Thạnh C, phường Long Hưng, thị xã Tân Châu (nay là phường Long Phú), tỉnh An Giang. CCCD: 089082001088. Cấp ngày 04/04/2021.

(Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án, đại diện Ngân hàng trình bày:

Ngày 30/8/2019 ông Lương Minh Nh có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (gọi tắt là Ngân hàng): Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Nh, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Nh đã sử dụng thẻ để tiêu dùng cá nhân như sau (tính đến 12/02/2026) tổng số tiền vốn, lãi phát sinh trong quá trình giao dịch là 136.154.545 đồng. Trong đó:

Số tiền đã rút từ thẻ: 118.848.935 đồng

Phí thẻ (Phí thường niên, phí rút tiền mặt, Phí trễ hạn...): 4.151.992 đồng

Lãi phát sinh: 12.362.960 đồng

Lãi quá hạn: 790.658 đồng

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Nh đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 123.415.739 đồng, ông Nh còn nợ 12.738.806 đồng và không còn thực hiện trả nợ cho Ngân hàng từ ngày 23/02/2025. Do ông Nh vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), cụ thể như sau:

Dư nợ gốc: 9.766.831 đồng

Lãi trong hạn và phí: 3.647.144 đồng

Lãi quá hạn: 1.523.572 đồng

- Tổng Cộng: 14.937.547 đồng

(Mười bốn triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm bốn mươi bảy đồng.

Vay tiêu dùng từ thẻ, Khoản vay số 211251-3569 hạn mức 30.000.000 đồng.

Ngày 03/10/2023, Ông Nh thực hiện giao dịch vay tiêu dùng trên app SACOMBANK PAY để vay từ thẻ tín dụng 472075-9670 (khoản vay 211251-3569)

Số tiền vay là: 30.000.000 đồng

Thời hạn vay: 24 tháng

Lãi suất vay: 16.8%/năm

Phương thức trả nợ, vốn lãi trả hằng tháng theo phương thức gộp đều

Tổng vốn, lãi là: 35.640.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng khoản vay, từ ngày vay đến nay ông Nh đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 22.785.000 đồng. Đến 25/02/2025 ông Nh không còn thực hiện trả nợ cho Ngân hàng. Do Ông Nh vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tính đến ngày 12/02/2026, ông Nh còn nợ số tiền là 16.333.773 đồng, cụ thể như sau:

Dư nợ gốc: 10.125.000 đồng

Lãi trong hạn và phí : 4.398.515 đồng

Lãi quá hạn: 1.810.258 đồng

Tổng Cộng: 16.333.773 đồng. (Mười sáu triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, bảy trăm bảy mươi ba đồng).

Tổng 02 khoản vay: Ông Lương Minh Nh nợ ngân hàng tổng số tiền là:

Dư nợ gốc: 19.891.831 đồng

Lãi trong hạn và phí: 8.045.659 đồng

Lãi quá hạn: 3.333.830 đồng

Tổng Cộng: 31.271.320 đồng (Ba mươi một triệu, hai trăm bảy mươi một nghìn, ba trăm hai mươi đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên gọi điện nhắc nợ và liên hệ nhiều với ông Nh, yêu cầu ông Nh có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn nhưng không nhận được phản hồi từ ông Nh, tuy nhiên ông Nh vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn ông Lương Minh Nh:

Buộc ông Lương Minh Nh phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/02/2026 là 31.271.320 đồng (Ba mươi một triệu, hai trăm bảy mươi một nghìn, ba trăm hai mươi đồng).

Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/8/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Lương Minh Nh không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tòa án đã thực hiện thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các đương sự thỏa thuận cách giải quyết vụ án nhưng bị đơn vắng mặt, vì vậy không thể tiến hành hòa giải. Tại phiên họp công khai chứng cứ đại diện Ngân hàng có đơn xin xét xử vắng mặt và có bản tự khai ngày 16/5/2025 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông Hiếu vắng mặt.

Tòa án thông báo kết quả về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 30/12/2025 cho ông Nh theo quy định của pháp luật để ông Nh thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng ông Nh vẫn không thực hiện.

Tòa án xác minh nơi cư trú của ông Nh thì được biết ông Nh vẫn còn đăng ký thường trú tại tổ 32, khóm Long Thạnh C, phường Long Phú, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa ngân hàng cung cấp bản tính lãi suất ngày 12/02/2026. Tính đến thời điểm ngày 12/02/2026 ông Nh vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng các khoản nợ đến hạn gồm dư nợ gốc: 19.891.831 đồng. Lãi trong hạn và phí: 8.045.659 đồng. Lãi quá hạn: 3.333.830 đồng. Tổng Cộng: 31.271.320 đồng (Ba mươi một triệu, hai trăm bảy mươi một nghìn, ba trăm hai mươi đồng). Yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày 13/02/2026 trên dư nợ gốc theo mức lãi suất đã ký kết trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Viện kiểm sát phát biểu về nội dung: Từ những sự phân tích trên căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. đề nghị xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Sacombank. Buộc ông Lương Minh Nh phải trả cho Sacombank phòng giao dịch Tân Châu số tiền vốn và lãi tổng cộng 31.271.320 đồng (Ba mươi một triệu, hai trăm bảy mươi một nghìn, ba trăm hai mươi đồng). Yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày 13/02/2026 trên dư nợ gốc theo mức lãi suất đã ký kết trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về thời hiệu - thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín khởi kiện yêu cầu đơn ông Lương Minh Nh có nghĩa vụ trả khoản tiền vay mà ông Nh còn nợ, bị đơn có nơi cư trú tại khóm Long Thạnh C, phường Long Phú, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản, còn trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 – An Giang.

[2] *Về việc vắng mặt của đương sự:* Ông Lương Minh Nh được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nh.

[3] *Xét về nội dung vụ án:* Do cần tiền để phục vụ đời sống, nhu cầu chi tiêu cá nhân nên ngày 30/8/20219 và 03/10/2023 ông Lương Minh Nh có ký kết giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng vay 02 lần, mỗi lần 30.000.000 đồng. Hình thức vay là thấu chi. Thời hạn vay 24 tháng tính từ ngày giải ngân 30/8/20219 và 03/10/2023, lãi suất vay trong hạn vào ngày 30/8/20219 là 31,2%/năm, lãi suất vay trong hạn vào ngày 03/10/2023 là 16,8%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất thấu chi trong hạn. Quá trình thanh toán, ông Nh chỉ thanh toán được cho Ngân hàng 123.415.739 đồng (đối với khoản vay này 30/8/20219) và 22.785.000 đồng (đối với khoản vay ngày 03/10/2023) tiền lãi thì ngưng. Do ông Nh vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nh thanh toán khoản nợ gồm tiền vốn gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng.

[4] *Xét về hình thức:* Giao dịch dân sự về việc cấp tín dụng kiêm phương án trả nợ cho vay giữa các đương sự có lập thành văn bản và được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đồng thời không vi phạm những quy định về hạn chế cấp tín dụng cũng như không vượt giới hạn cấp tín dụng nên phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119, 282, 386, 387, 388 của Bộ luật dân sự, các Điều 98, 127 và 128 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do ông Nh vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện là phù hợp với quy định tại khoản 1 và 4 Điều 466 Bộ luật dân sự.

[5] *Về nghĩa vụ trả nợ, lãi suất và số tiền phải trả:*

[5.1] Về nghĩa vụ trả nợ: Đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng yêu cầu ông Nh trả nợ. Mặc dù ông Nh không tham gia hòa giải, tuy nhiên căn cứ vào chứng cứ do đại diện Ngân hàng giao nộp cho Tòa án nhân dân khu vực 15, ông Nh có vay tiền, có trả nợ và còn nợ lại, cam kết thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng yêu cầu ông Nh phải trả cho Ngân hàng số nợ gốc và lãi phát sinh, Hội đồng xét xử nhận thấy việc Ngân hàng cấp thẻ thấu chi cho ông Nh sử dụng theo hợp đồng vay 02 lần, mỗi lần 30.000.000 đồng, ông Nh là người ký vào hợp đồng, mục đích vay để phục vụ nhu cầu chi tiêu cá nhân, trong quá trình vay ông Nh có trả và còn nợ lại và không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng, vì vậy có căn cứ buộc ông Nh có nghĩa vụ trả khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

[5.2] Về số tiền vốn: Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì ông Nh còn nợ 19.891.831 đồng đồng vốn gốc. Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự, buộc ông Nh có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng 19.891.831 đồng đồng.

[5.3] Về lãi suất: Tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng ngày 30/8/2019 (tiền dùng từ thẻ 472075-9670) và khoản vay số 472075-9670 (khoản vay 211251-3569) thể hiện mức lãi suất mà các đương sự thỏa thuận khi kí

kết hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật, do vậy không cần phải điều chỉnh lại.

[5.4] Về thời gian tính lãi và số tiền lãi phải trả: Xét thấy yêu cầu của Ngân hàng đề nghị Tòa án tính lãi đối với số nợ gốc tính đến ngày 12/02/2026 là 31.271.320 đồng và buộc ông Nh tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số tiền gốc còn lại kể từ ngày 13/02/2026 theo mức lãi suất thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng ngày 30/8/2019 cho đến ngày tất toán là có căn cứ nên chấp nhận.

Như vậy, số tiền ông Nh phải trả gồm dư nợ gốc: 19.891.831 đồng. Lãi trong hạn và phí: 8.045.659 đồng. Lãi quá hạn: 3.333.830 đồng. Tổng Cộng: 31.271.320 đồng (Ba mươi một triệu, hai trăm bảy mươi một nghìn, ba trăm hai mươi đồng).

[6] *Về thời gian, phương thức thanh toán*: Sẽ được xem xét, giải quyết tại giai đoạn thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[7] *Về án phí*: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên không phải chịu án phí; hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp. Ông Lương Minh Nh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39, Điều 147, 228, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và 688 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

Buộc ông Lương Minh Nh có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số 31.271.320 đồng (Ba mươi một triệu, hai trăm bảy mươi một nghìn, ba trăm hai mươi đồng).

Ngoài ra, ông Lương Minh Nh còn phải tiếp tục trả lãi kể từ ngày 13/02/2026 tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nh còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng ngày 30/8/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí: Ông Lương Minh Nh phải chịu 1.563.566 đồng (Một triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn, năm trăm sáu mươi sáu đồng)

Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15 hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 667.000 (Sáu trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007828 ngày 07 tháng 11 năm 2025.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/02/2026). Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án được quyền kháng cáo trong thời hạn trên kể từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA Tỉnh;
- VKS khu vực 15;
- Phòng THADS khu vực 15;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phong Phi